TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2025/DS-ST
Ngày: 29 – 12 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1980.

Căn cước công dân số: 096080008432, cấp ngày 21/9/2021.

Địa chỉ: Ấp 2, xã C.Đ.V, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn K1, sinh năm: 1983, địa chỉ: Ấp 8, xã C.Đ.V, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 22/8/2025, xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1948 (vắng mặt).

Chứng minh nhân dân số: 380305672, cấp ngày 25/8/2017.

Địa chỉ: Ấp 5, xã C.Đ.V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2025, anh Nguyễn Quốc K trình bày:

Ngày 12/7/2021, ông Nguyễn Văn H có hỏi vay của anh số tiền 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, khi vay, ông H có làm hợp đồng thế

chấp cho anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 992069 do ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H1 đứng tên cho anh giữ. Quá trình vay, ông H có trả lãi cho anh đến ngày 12/7/2024 thì ngưng luôn đến nay.

Từ nội dung trên, anh yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả lại cho anh số tiền nợ gốc 100.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày 12/8/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Anh sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 992069 do ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H1 đứng.

* Đối với ông Nguyễn Văn H vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn H: Mặc dù đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên toà xét xử vụ án nhiều lần do ông H trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Văn K1, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K1 theo luật định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/8/2021 giữa ông Nguyễn Văn H với anh Nguyễn Quốc K, thể hiện: Ngày 12/7/2021 ông Nguyễn Văn H có vay của anh Nguyễn Quốc K tổng số tiền gốc 100.000.000đ đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Khoản tiền vay này do ông H trực tiếp đứng ra giao dịch và sử dụng cho mục đích làm ăn, sinh hoạt của gia đình; quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông H đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H không có ý kiến phản đối, đồng thời nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bị đơn là ông H thanh toán nợ nên buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh K tổng số tiền vốn gốc 100.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ. Việc ông H không tham gia phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông H phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận 20%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh được số tiền lãi đã trả cho anh K

cụ thể bao nhiêu nên không có cơ sở điều chỉnh. Nay anh K và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh K yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 12/8/2024 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 29/12/2025) là phù hợp nên được chấp nhận.

Mức lãi được tính như sau: Từ ngày 12/8/2024 đến ngày 29/12/2025 là 01 năm 04 tháng 17 ngày x 100.000.000đ x 20%/năm = 27.580.666đ (làm tròn số là 27.580.000đ).

[5] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CN 992069 do ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H1 đứng tên được xác lập ngày 19/8/2021 giữa anh Nguyễn Quốc K với ông Nguyễn Văn H thực tế để làm tin, không thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm nên cần hủy bỏ là phù hợp.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 992069 do ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H1 đứng tên hiện do anh K giữ nên buộc anh K có trách nhiệm trả lại cho ông H khi ông H thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh K.

[7] Về thời gian thanh toán nợ: Anh K yêu cầu ông H thanh toán nợ cho anh dứt điểm một lần. Xét thấy, về thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án nên không giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[8] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh K nên buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy ông H sinh năm 1948 thuộc trường hợp người cao tuổi nên xét miễn án phí có giá ngạch cho ông H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là phù hợp. Anh K không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu K kiện của anh Nguyễn Quốc K – buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho anh K tổng số tiền 127.580.000đ *(Một trăm hai*

mươi bảy triệu năm trăm tám chục nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc 100.000.000đ; nợ lãi 27.580.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CN 992069 do ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H1 đứng tên được xác lập ngày 19/8/2021 giữa anh Nguyễn Quốc K với ông Nguyễn Văn H.

3/ Buộc anh Nguyễn Quốc K trả lại cho ông Nguyễn Văn H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 992069 do ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H1 đứng tên khi ông H thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh K.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Xét miễn cho ông Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Quốc K không phải chịu án phí, ngày 23/10/2025, anh K đã nộp tạm ứng án phí 3.015.000đ (ba triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai số: 3064 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải